

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BẠC Ở VIỆT NAM

Đinh Thị Ngọc Mai¹
Email: maidsn@dhcd.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 30/09/2025

Ngày phản biện đánh giá: 30/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 17/11/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.960

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích vai trò của công nghệ số trong phát triển kinh tế bạc ở Việt Nam. Dựa trên phương pháp tổng hợp tài liệu và so sánh quốc tế (Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu), nghiên cứu xây dựng khung phân tích ba trụ cột: nhu cầu người cao tuổi, ứng dụng công nghệ số và thể chế - chính sách. Kết quả cho thấy Việt Nam đã đạt một số tiến triển trong y tế từ xa, ngân hàng số và thương mại điện tử thân thiện với người cao tuổi, song vẫn tồn tại khoảng cách số và thiếu hệ sinh thái liên ngành. Nghiên cứu đề xuất ba nhóm giải pháp chính: (1) xây dựng chiến lược và thể chế quốc gia về kinh tế bạc; (2) phát triển hạ tầng số và nâng cao năng lực số cho người cao tuổi; (3) thúc đẩy hợp tác công tư và mở rộng hợp tác quốc tế. Các giải pháp này nếu được thực hiện đồng bộ sẽ giúp Việt Nam chuyển biến thách thức già hóa thành động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Từ khóa: công nghệ số, chuyển đổi số, già hóa dân số, kinh tế bạc, Việt Nam

I. Đặt vấn đề

Già hóa dân số đang trở thành xu thế mang tính toàn cầu, tác động sâu sắc đến cấu trúc kinh tế - xã hội của hầu hết các quốc gia. Theo Liên Hợp Quốc (2022), đến năm 2050, người trên 60 tuổi sẽ chiếm hơn 22% dân số thế giới, đặt ra thách thức lớn về an sinh, y tế, lao động và tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, kinh tế bạc nổi lên như một hướng phát triển mới, phản ánh sự dịch chuyển từ mô hình kinh tế truyền thống sang mô hình dựa trên nhu cầu và năng lực tiêu dùng của nhóm dân số cao tuổi.

Tại Việt Nam, quá trình già hóa diễn ra nhanh hơn nhiều quốc gia có cùng mức thu nhập. Tỷ lệ người trên 60 tuổi chiếm 10% dân số năm 2010, dự kiến đạt 14,5% năm 2025 và khoảng 25% vào năm 2050 (GSO, 2023). Điều này không chỉ gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội mà còn mở ra tiềm năng phát triển một “nền kinh tế bạc” năng động, nơi các sản phẩm và dịch vụ hướng tới người cao tuổi có thể trở thành động lực tăng trưởng mới.

Trong giai đoạn chuyển đổi số quốc gia, công nghệ số đóng vai trò hạ tầng nền

¹ Trường Đại học Công đoàn

tăng cho sự hình thành và phát triển kinh tế bạc. Các ứng dụng như y tế từ xa, hồ sơ sức khỏe điện tử, ngân hàng số thân thiện, hay nền tảng thương mại điện tử dành riêng cho người cao tuổi đang từng bước thay đổi cách thức tiếp cận dịch vụ xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, tại Việt Nam, nghiên cứu chuyên sâu về mối quan hệ giữa công nghệ số và phát triển kinh tế bạc vẫn còn hạn chế, chưa có mô hình lý thuyết định hướng chính sách rõ ràng.

Tuy nhiên, tại Việt Nam các nghiên cứu về kinh tế bạc gắn với công nghệ số vẫn còn hạn chế, chủ yếu tiếp cận ở khía cạnh xã hội học hoặc nhân khẩu học, chưa có nghiên cứu chuyên sâu theo hướng tích hợp giữa công nghệ số, chính sách và nhu cầu người cao tuổi. Do vậy, việc phân tích vai trò của công nghệ số đối với phát triển kinh tế bạc, tham chiếu kinh nghiệm quốc tế và đề xuất khuyến nghị chính sách là cần thiết nhằm tận dụng cơ hội và chuẩn bị ứng phó với những thách thức do già hóa dân số mang lại.

II. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

Kinh tế bạc được hình thành trên giao điểm của ba nhóm lý thuyết: nhân khẩu học về già hóa dân số, đổi mới sáng tạo và kinh tế số. Theo Schumpeter (1934), đổi mới sáng tạo là động lực trung tâm của phát triển kinh tế, còn Tapscott (1995) cho rằng công nghệ số và tri thức số đang tái cấu trúc toàn bộ hệ thống sản xuất và tiêu dùng. Khi kết hợp với lý thuyết nhân khẩu học, đặc biệt là tháp nhu cầu Maslow (1943), có thể thấy ở giai đoạn tuổi già, nhu cầu con người chuyển mạnh sang duy trì sức khỏe, an toàn tài chính và gắn kết xã hội những yếu tố trở thành nền tảng cho sự hình thành của các ngành dịch vụ

chuyên biệt, tức “kinh tế bạc”.

Lý thuyết vòng đời sản phẩm của Vernon (1966) giúp lý giải rằng kinh tế bạc ở Việt Nam mới ở giai đoạn hình thành (introduction stage), đòi hỏi chính sách khuyến khích và hạ tầng công nghệ hỗ trợ để mở rộng quy mô. Kết hợp các học thuyết này, nghiên cứu xác lập khung phân tích ba trụ cột: (i) nhu cầu người cao tuổi là động lực cầu; (ii) công nghệ số và đổi mới sáng tạo là động lực cung; (iii) thể chế và chính sách là cơ chế điều tiết và lan tỏa.

Tổng quan các nghiên cứu quốc tế cho thấy OECD (2019) dự báo quy mô kinh tế bạc toàn cầu đạt 15 nghìn tỷ USD vào năm 2050, trong đó công nghệ số đóng vai trò chất xúc tác. Liên minh châu Âu phát triển chương trình *Active and Healthy Ageing* gắn ICT với chăm sóc sức khỏe; Nhật Bản xây dựng hệ sinh thái SilverTech dựa trên robot và dữ liệu y tế; Hàn Quốc triển khai chiến lược quốc gia về công nghệ số phục vụ dân số già. So với kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu về kinh tế bạc ở Việt Nam vẫn thiên về mô tả hiện tượng già hóa, thiếu khung phân tích tổng hợp giữa nhu cầu người cao tuổi, năng lực công nghệ và điều kiện thể chế.

Chính vì vậy, bài viết này đề xuất một hướng tiếp cận khái quát hơn, coi kinh tế bạc là kết quả của tương tác ba chiều: nhân khẩu học, đổi mới sáng tạo và chính sách công nhằm mở rộng nền tảng lý thuyết cho các nghiên cứu về kinh tế số và phát triển bao trùm.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện chủ yếu theo phương pháp định tính, dựa trên tổng hợp, phân tích và đối chiếu các nguồn tài liệu thứ cấp trong và ngoài nước. Cụ thể:

Nguồn dữ liệu bao gồm: báo cáo của các tổ chức quốc tế như *United Nations (UN)*, *OECD*, *World Bank*, *UNFPA*, các công trình nghiên cứu học thuật được công bố trong các tạp chí khoa học quốc tế (*Telematics and Informatics*, *East Asian Science, Technology and Society*), cùng với các số liệu thống kê chính thức từ *Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO)* và *Bộ Y tế*.

Phương pháp phân tích được sử dụng là tổng hợp kết hợp khung lý thuyết nhu cầu người cao tuổi, công nghệ số, thể chế, chính sách nhằm xác định vai trò và tác động của công nghệ số đối với sự hình thành và phát triển kinh tế bạc ở Việt Nam.

Phương pháp so sánh quốc tế được áp dụng để đối chiếu kinh nghiệm từ ba khu vực tiêu biểu: *Nhật Bản*, *Hàn Quốc* và *Liên minh châu Âu (EU)*. Việc lựa chọn này dựa trên ba tiêu chí: (i) có tốc độ già hóa dân số nhanh; (ii) đã triển khai chiến lược kinh tế bạc gắn với công nghệ số; và (iii) có mô hình chính sách rõ ràng trong kết nối giữa khu vực công - tư.

Phạm vi nghiên cứu tập trung vào Việt Nam trong giai đoạn 2015-2024, khi tiến trình chuyển đổi số và tốc độ già hóa dân số diễn ra mạnh mẽ nhất.

Giới hạn nghiên cứu nằm ở chỗ chưa tiến hành khảo sát định lượng hay thu thập dữ liệu sơ cấp, do đó các kết luận mang tính tổng hợp và định hướng chính sách, không nhằm đo lường định lượng các tác động kinh tế cụ thể.

Cách tiếp cận này giúp bài viết vừa đảm bảo tính hệ thống, vừa có cơ sở đối sánh quốc tế, đồng thời cung cấp khung tham chiếu lý luận và thực tiễn cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế bạc trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Thực trạng phát triển kinh tế bạc ở Việt Nam

Việt Nam đang bước vào giai đoạn già hóa dân số nhanh, với hơn 13 triệu người cao tuổi, chiếm khoảng 13% dân số năm 2023 (Tổng cục Thống kê, 2023). Sự gia tăng quy mô nhóm dân số này kéo theo những biến đổi sâu sắc trong cơ cấu nhu cầu xã hội, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe, an toàn tài chính và kết nối cộng đồng. Trong những năm gần đây, nhận thức về già hóa đã có sự chuyển biến rõ rệt - từ cách nhìn truyền thống coi đây chủ yếu là gánh nặng an sinh, nay đã dần được xem như một cơ hội phát triển một lĩnh vực kinh tế mới gắn với đặc thù và giá trị của người cao tuổi.

Trên bình diện thực tiễn, một số lĩnh vực bước đầu thể hiện khả năng thích ứng với xu hướng này. Mô hình y tế từ xa được triển khai tại các bệnh viện trung ương như Bạch Mai và 108, giúp giảm chi phí và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế cho người cao tuổi. Trong lĩnh vực tài chính, nhiều ngân hàng đã phát triển giao diện số thân thiện, hỗ trợ chữ lớn và trợ lý giọng nói, góp phần mở rộng bao trùm tài chính. Thương mại điện tử cũng xuất hiện những kênh bán hàng và danh mục sản phẩm hướng đến nhóm khách hàng lớn tuổi. Tỷ lệ người cao tuổi sử dụng internet tăng từ 8% năm 2020 lên 22% năm 2023 (Bộ Y tế, 2023), cho thấy mức độ sẵn sàng số đang được cải thiện đáng kể. Những tín hiệu này phản ánh trụ cột công nghệ và hành vi tiêu dùng của kinh tế bạc đang hình thành, dù vẫn ở quy mô hạn chế.

Tuy vậy, kinh tế bạc tại Việt Nam vẫn ở giai đoạn khởi phát, với nhiều rào cản mang tính cấu trúc. Về phía cầu, phần

lớn người cao tuổi chưa có kỹ năng số đủ vững, khiến khoảng cách công nghệ trở thành trở ngại lớn trong việc tiếp cận các dịch vụ mới. Về phía cung, các doanh nghiệp công nghệ chưa nhận diện rõ tiềm năng thị trường bạc, nên sản phẩm còn dàn trải, thiếu tính chuyên biệt. Trong khi đó, thể chế và chính sách vẫn chưa coi kinh tế bạc là một trụ cột chiến lược, dẫn đến thiếu khung pháp lý, ưu đãi đầu tư và cơ chế hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực này.

Ngoài ra, cơ chế phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội còn hạn chế, chưa hình thành được mạng lưới hợp tác công - tư đủ mạnh để thúc đẩy SilverTech và dịch vụ liên ngành. Khi so sánh với các quốc gia tiên phong

như Nhật Bản, Hàn Quốc hay Liên minh châu Âu - nơi kinh tế bạc đã được lồng ghép vào chiến lược dân số và đổi mới công nghệ quốc gia - có thể thấy Việt Nam mới chỉ dừng ở mức độ thử nghiệm và chưa hình thành hệ sinh thái kinh tế bạc liên kết đa ngành.

Như vậy, có thể khẳng định rằng kinh tế bạc ở Việt Nam đang chuyển từ giai đoạn nhận diện sang giai đoạn hình thành thể chế. Để phát huy vai trò như một động lực mới của tăng trưởng bao trùm, cần đồng thời hoàn thiện ba trụ cột: tăng năng lực số cho người cao tuổi, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong cung ứng dịch vụ, và thiết lập khung chính sách liên ngành, qua đó chuyển giả hóa dân số từ thách thức thành cơ hội phát triển.

Bảng 1. Dân số cao tuổi và tỷ lệ sử dụng công nghệ số tại Việt Nam

Năm	Dân số ≥65 tuổi (triệu người)	Tỷ lệ dân số ≥65 tuổi (%)	Tỷ lệ người cao tuổi sử dụng internet (%)	Tỷ lệ người cao tuổi sử dụng smartphone (%)
2015	6,5	7,2	28	15
2020	8,0	8,5	41	30
2023	9,8	9,8	58	47
2035*	14,5	14,2	(dự báo) 75	(dự báo) 65
2050*	20,5	20,1	(dự báo) >85	(dự báo) 80

Nguồn: theo GSO (2023) và UNFPA (2024).

Bảng 1 cho thấy xu hướng dân số già hóa ngày càng rõ rệt, đồng thời phản ánh mức độ tiếp cận công nghệ số của người cao tuổi đã cải thiện nhưng vẫn còn khoảng cách lớn so với các nhóm tuổi khác. Đây chính là một trong những rào cản chủ yếu đối với việc mở rộng ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế bạc tại Việt Nam.

4.1.2. Ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế bạc tại Việt Nam

Công nghệ số đang trở thành động lực trung tâm trong việc định hình và phát triển kinh tế bạc tại Việt Nam. Sự kết hợp giữa tiến bộ công nghệ và nhu cầu ngày

càng đa dạng của người cao tuổi mở ra tiềm năng lớn cho các ngành dịch vụ y tế, tài chính, thương mại và kết nối xã hội. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng công nghệ số hiện vẫn ở giai đoạn ban đầu, chưa tạo ra được sự lan tỏa đủ lớn để thúc đẩy hình thành một hệ sinh thái kinh tế bạc hoàn chỉnh.

Lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe: các mô hình y tế từ xa (telemedicine) và hồ sơ sức khỏe điện tử đã được triển khai thí điểm tại nhiều bệnh viện lớn như Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện 108. Điều này giúp người cao tuổi ở vùng xa có thể tiếp cận dịch vụ y tế mà không cần di chuyển nhiều, tỷ lệ người cao tuổi có hồ sơ sức

khỏe điện tử đã tăng từ 8% năm 2020 lên 22% năm 2023, cho thấy quá trình số hóa y tế đang dần lan tỏa đến nhóm dân số này (Bộ Y tế, 2023). Tuy nhiên, tỷ lệ người cao tuổi sử dụng dịch vụ này còn hạn chế do khó khăn trong thao tác công nghệ và lo ngại về bảo mật thông tin.

Lĩnh vực tài chính - ngân hàng: Các ngân hàng thương mại tại Việt Nam đã và đang phát triển ngân hàng số thân thiện với người cao tuổi, tập trung vào giao diện trực quan, cỡ chữ lớn, trợ lý giọng nói và hướng dẫn bằng âm thanh nhằm hỗ trợ người dùng lớn tuổi. Dù vậy, theo khảo sát của Ngân hàng Nhà nước (2023), chỉ khoảng 27% người trên 60 tuổi sở hữu tài khoản ngân hàng điện tử, thấp hơn nhiều so với nhóm dân số trẻ. Điều này phản ánh mức độ bao trùm tài chính số của người cao tuổi còn hạn chế, chủ yếu do tâm lý e ngại rủi ro và thiếu kỹ năng sử dụng công nghệ.

Lĩnh vực thương mại điện tử: một số nền tảng như Shopee hoặc Tiki đã bắt đầu phát triển chuyên mục sản phẩm chăm sóc sức khỏe, thiết bị y tế, thực phẩm chức năng hướng tới khách hàng cao tuổi. Tuy nhiên, tỷ lệ người cao tuổi từng mua hàng

trực tuyến chỉ đạt khoảng 28% năm 2023 (GSO, 2023), phản ánh mức độ thâm nhập thương mại điện tử trong nhóm này còn thấp. Nguyên nhân chính xuất phát từ thói quen tiêu dùng truyền thống, lo ngại về thanh toán trực tuyến và sự thiếu tin cậy đối với nền tảng số.

Lĩnh vực kết nối và tham gia xã hội: Công nghệ số góp phần giúp người cao tuổi duy trì các mối quan hệ xã hội và tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Tại Việt Nam, một số nhóm và diễn đàn trực tuyến như “Câu lạc bộ người cao tuổi Việt Nam”, “Sống khỏe tuổi 60+” trên các nền tảng Facebook, Zalo đã hình thành, tạo không gian trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ tinh thần cho người lớn tuổi.

Một số địa phương lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đã triển khai lớp học kỹ năng số cho người cao tuổi, hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh và ứng dụng mạng xã hội, qua đó từng bước thu hẹp khoảng cách số giữa các thế hệ. Tuy nhiên, các nền tảng kết nối hiện vẫn ở quy mô nhỏ, hoạt động tự phát, chưa có sự hỗ trợ chính thức về kỹ thuật hay chính sách từ cơ quan quản lý nhà nước.

Bảng 2. Một số ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế bạc tại Việt Nam

Lĩnh vực	Chỉ báo	2020	2023	Ghi chú
Y tế	Số bệnh viện triển khai khám chữa bệnh từ xa	25	52	Bộ Y tế, 2023
	Tỷ lệ người cao tuổi có hồ sơ sức khỏe điện tử (%)	8	22	UNFPA, 2024
Tài chính - Ngân hàng	Tỷ lệ người cao tuổi sử dụng dịch vụ ngân hàng số (%)	15	35	GSO, 2023
	Số ngân hàng thương mại cải tiến giao diện “thân thiện với NCT”	2	6	Hiệp hội Ngân hàng, 2023
Thương mại điện tử	Tỷ lệ người cao tuổi mua sắm trực tuyến ít nhất 1 lần/năm (%)	12	28	GSO, 2023
	Doanh thu thị trường sản phẩm chăm sóc sức khỏe trực tuyến (tỷ VND)	3.200	5.800	Statista & VN E-commerce, 2023

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

Nhìn vào bảng 2 có thể thấy ứng dụng công nghệ số trong kinh tế bạc tại Việt Nam mới ở mức khởi đầu, thiên về các sáng kiến rời rạc thay vì chiến lược tổng thể. Khoảng cách số, rào cản nhận thức và hạn chế trong thiết kế sản phẩm thân thiện với người cao tuổi là những nguyên nhân chính. Để tận dụng cơ hội từ “kinh tế bạc”, cần có chính sách thúc đẩy mạnh mẽ hơn nhằm kết nối giữa đổi mới công nghệ, thị trường dịch vụ và nhu cầu đặc thù của nhóm dân số này.

4.1.3. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế bạc

Nhiều quốc gia có dân số già đã chủ động xây dựng chiến lược phát triển kinh tế bạc và gắn chặt với quá trình chuyển đổi số. Phân tích trường hợp Nhật Bản, Hàn Quốc và Liên minh châu Âu cho thấy ba cách tiếp cận tiêu biểu.

Tại Nhật Bản, kinh tế bạc được đặt trong khuôn khổ “Chiến lược xã hội siêu già” (Super-Aged Society Strategy), trong đó Nhà nước đầu tư hạ tầng ICT và y tế từ xa, đồng thời khuyến khích hợp tác công - tư để phát triển SilverTech. Một loạt sản phẩm công nghệ thân thiện với người cao tuổi (robot hỗ trợ chăm sóc, nền tảng theo dõi sức khỏe từ xa) được thương mại hóa nhờ sự kết hợp giữa chính sách bảo hiểm xã hội toàn dân và các gói tài trợ R&D.

Hàn Quốc lại nổi bật với cách tiếp cận dựa trên khung pháp lý. Chính phủ gắn sandbox tài chính và đổi mới sáng tạo trực tiếp với Luật Đổi mới tài chính (2018), cho phép doanh nghiệp thử nghiệm dịch vụ số trong môi trường có kiểm soát. Đặc biệt, các chính sách tín dụng và quỹ hỗ trợ start-up tập trung vào SilverTech đã tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển sản phẩm phù hợp với nhu cầu của người cao tuổi.

Trong khi đó, Liên minh châu Âu triển khai “European Silver Economy Strategy”, coi đây là một thành tố của Chiến lược thị trường số chung. Ủy ban châu Âu đã thành lập các quỹ đầu tư chuyên biệt cho Silver Economy, đồng thời xây dựng khung pháp lý thống nhất về dữ liệu sức khỏe và bảo vệ người tiêu dùng cao tuổi. Cách tiếp cận này nhấn mạnh tính liên ngành, sự phối hợp giữa các cấp chính quyền và khu vực tư nhân.

Những kinh nghiệm quốc tế này cho thấy thành công đến từ ba yếu tố: (i) gắn kết kinh tế bạc với chiến lược quốc gia; (ii) kết hợp đầu tư hạ tầng với khung pháp lý linh hoạt; và (iii) khuyến khích hợp tác công tư để thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đây chính là những gợi ý quan trọng cho Việt Nam trong quá trình xây dựng hệ sinh thái kinh tế bạc.

Bảng 3. Kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế bạc

Quốc gia/ khu vực	Đặc điểm chính sách	Ứng dụng công nghệ nổi bật	Kết quả đạt được
Nhật Bản	Chiến lược xã hội siêu già hóa thông minh	Robot chăm sóc, y tế từ xa, đô thị thân thiện	Ngành công nghệ phục vụ người cao tuổi phát triển; giảm gánh nặng y tế
Hàn Quốc	Gắn với chương trình chuyển đổi số	Giám sát sức khỏe trực tuyến, bảo hiểm gắn công nghệ	Nâng cao chất lượng chăm sóc; mở rộng dịch vụ số
EU	Sáng kiến Active and Healthy Ageing	Giải pháp công nghệ y tế, thương mại điện tử, dịch vụ cộng đồng	Tăng tuổi thọ khỏe mạnh; phát triển thị trường dịch vụ

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Với việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, có thể rút ra ba điểm cốt lõi cho Việt Nam như sau:

Một là, cần đặt phát triển kinh tế bạc trong tổng thể chiến lược quốc gia về dân số và chuyển đổi số, thay vì chỉ dừng ở các sáng kiến rời rạc.

Hai là, các sản phẩm và dịch vụ số phải thân thiện, dễ tiếp cận và phù hợp với đặc thù của người cao tuổi, đồng thời bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân.

Ba là, Nhà nước cần khuyến khích mô hình hợp tác công - tư để huy động nguồn lực xã hội, tạo dựng hệ sinh thái kinh tế bạc bền vững.

Đây chính là những yếu tố then chốt để Việt Nam biến thách thức già hóa dân số thành cơ hội phát triển mới.

4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy kinh tế bạc ở Việt Nam đang chuyển từ giai đoạn nhận diện hiện tượng sang hình thành thể chế và chính sách phát triển. So với các công trình trước, hướng tiếp cận trong nghiên cứu này đã mở rộng phạm vi phân tích từ khía cạnh nhân khẩu học, an sinh sang góc nhìn tích hợp giữa công nghệ số, nhu cầu người cao tuổi và khung thể chế điều tiết.

Nếu các nghiên cứu trước chủ yếu tập trung mô tả quá trình già hóa dân số và chính sách ứng phó (Nguyễn, 2020; Giang, 2024), nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò của công nghệ số như một biến trung gian chiến lược, tạo nền tảng để chuyển hóa thách thức già hóa thành cơ hội phát triển kinh tế mới. Cách tiếp cận đa chiều nhu cầu người cao tuổi, đổi mới công nghệ, chính sách thể chế không chỉ giúp định vị rõ hơn nội hàm của kinh tế bạc mà còn gợi mở hướng nghiên cứu đo

lượng hiệu quả tác động của chuyển đổi số đến các lĩnh vực y tế, tài chính và an sinh trong tương lai.

V. Kết luận và khuyến nghị

Trong bối cảnh già hóa dân số diễn ra nhanh chóng, phát triển kinh tế bạc không chỉ là một yêu cầu xã hội tất yếu mà còn là hướng đi chiến lược nhằm chuyển hóa thách thức nhân khẩu học thành động lực tăng trưởng mới. Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy, mặc dù đã xuất hiện những bước khởi phát tích cực, song kinh tế bạc vẫn còn hạn chế về quy mô, mức độ liên kết và khung thể chế hỗ trợ. Để tận dụng cơ hội và rút ngắn khoảng cách với các quốc gia tiên phong, Việt Nam cần từng bước thiết lập nền tảng thể chế, hạ tầng và hợp tác đa bên, hướng tới hình thành hệ sinh thái kinh tế bạc bền vững. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất:

5.1. Về thể chế

Kinh tế bạc tại Việt Nam hiện vẫn trong giai đoạn khởi phát, thể hiện qua một số sáng kiến rời rạc trong lĩnh vực y tế từ xa, ngân hàng số và thương mại điện tử. Tuy nhiên, những hoạt động này chưa đủ sức hình thành một khung chính sách tổng thể và cơ chế điều phối liên ngành có tính hệ thống. Việc thiếu tầm nhìn quốc gia khiến các nỗ lực còn phân tán, manh mún, làm hạn chế khả năng khai thác tiềm năng của nhóm dân số cao tuổi - lực lượng ngày càng giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu dân số cũng như trong chi tiêu xã hội.

Trong bối cảnh đó, phát triển kinh tế bạc cần được xem như một ưu tiên chiến lược của quốc gia trong kỷ nguyên chuyển đổi số, chứ không chỉ là các chương trình thử nghiệm mang tính ngắn hạn. Điều này đòi hỏi việc hoạch định một Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế bạc giai đoạn

2026-2040, được tích hợp và đồng bộ với các chiến lược đang hiện hành như Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2035, Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số và Chiến lược phát triển ngành công nghệ số. Một chiến lược như vậy cần làm rõ tầm nhìn, mục tiêu, cấu trúc thể chế, cơ chế phân bổ nguồn lực và phương thức giám sát, bảo đảm tính liên kết chặt chẽ giữa các lĩnh vực then chốt như y tế, an sinh xã hội, tài chính, giáo dục, văn hóa và công nghệ.

Việc mở rộng phạm vi của kinh tế bạc nên được định hướng theo nguyên tắc tăng cường giá trị gia tăng và thúc đẩy liên kết chuỗi dịch vụ, thay vì mở rộng theo chiều rộng đơn thuần. Các lĩnh vực như bảo hiểm số, dịch vụ an sinh dựa trên blockchain, công nghệ hỗ trợ chăm sóc tại nhà (care-tech), hay du lịch - văn hóa số dành cho người cao tuổi có thể trở thành những hạt nhân đổi mới, góp phần chuyển dịch kinh tế bạc từ giai đoạn thử nghiệm sang phát triển bền vững. Khi đó, trọng tâm không nằm ở việc tạo thêm sản phẩm, mà ở việc hình thành một hệ sinh thái liên ngành, trong đó dữ liệu dân số, công nghệ số và chính sách an sinh được liên thông, tạo nền tảng cho tăng trưởng bao trùm.

Để quá trình này vận hành hiệu quả, cần kiến tạo một khung thể chế chuyên biệt cho kinh tế bạc, đủ linh hoạt để khuyến khích đổi mới nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc an toàn, công bằng và tiếp cận bình đẳng cho người cao tuổi trong môi trường số. Một hệ thống pháp lý như vậy không chỉ định ra chuẩn mực cho công nghệ và dịch vụ SilverTech, mà còn đóng vai trò định hướng cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư tham gia thị trường mới nổi này.

Trên phương diện quản trị, việc hình thành một cơ quan điều phối quốc gia về kinh tế bạc là cần thiết nhằm bảo đảm

tính nhất quán trong hoạch định và thực thi chính sách. Cơ quan này có thể hoạt động theo mô hình mạng lưới, huy động sự tham gia của các bộ, ngành, hiệp hội nghề nghiệp, viện nghiên cứu và tổ chức xã hội, qua đó tạo lập cơ chế phối hợp đa tầng, giảm chồng chéo và nâng cao hiệu lực chính sách.

Về dài hạn, kinh tế bạc cần được tích hợp trong các chiến lược phát triển tài chính và kinh tế quốc gia, chẳng hạn như Chiến lược tài chính đến năm 2030 hay Đề án trung tâm tài chính quốc tế. Cách tiếp cận này giúp định vị kinh tế bạc không còn như một chính sách xã hội đơn thuần, mà như một trụ cột mới của nền kinh tế tri thức, nơi đổi mới sáng tạo, công nghệ và nhân khẩu học cùng tạo ra động lực tăng trưởng bền vững cho Việt Nam.

5.2. Về hạ tầng và năng lực số

Nền tảng hạ tầng số đóng vai trò quyết định đối với quá trình hình thành và vận hành của kinh tế bạc, bởi mọi hoạt động y tế, tài chính hay thương mại hướng đến người cao tuổi đều phụ thuộc vào mức độ sẵn sàng công nghệ. Khoảng cách số giữa các nhóm dân cư, đặc biệt giữa khu vực đô thị và nông thôn, đang làm suy giảm khả năng tham gia của người cao tuổi vào nền kinh tế số. Do đó, phát triển hạ tầng số không chỉ là vấn đề đầu tư kỹ thuật mà còn là yếu tố cấu trúc của chính sách an sinh và phát triển bao trùm.

Để khắc phục tình trạng phân mảnh dữ liệu và nâng cao hiệu quả dịch vụ, cần thúc đẩy kết nối hạ tầng thông tin giữa các hệ thống y tế, an sinh và tài chính, hướng tới một không gian dữ liệu tích hợp phục vụ quản lý, chăm sóc và tiêu dùng của người cao tuổi. Cùng với đó, việc nâng cao năng lực số cần được nhìn nhận như một quá trình thích ứng xã hội, trong đó

người cao tuổi không chỉ được hỗ trợ kỹ năng sử dụng công nghệ, mà còn được trao quyền tham gia vào các hoạt động số một cách độc lập, an toàn và có giá trị.

Khi hạ tầng và năng lực số phát triển song hành, kinh tế bạc có thể chuyển từ trạng thái bị động sang chủ động, trở thành không gian thử nghiệm chính sách cho chuyển đổi số bao trùm. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để Việt Nam xây dựng một mô hình phát triển số nhân văn, trong đó công nghệ được định hướng phục vụ con người ở mọi giai đoạn của vòng đời.

5.3. Về hợp tác đổi mới và hội nhập

Phát triển kinh tế bạc chỉ có thể đạt hiệu quả khi được đặt trong mối quan hệ tương tác giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Nguồn lực công tuy giữ vai trò định hướng và kiến tạo khung pháp lý, nhưng không đủ để đáp ứng yêu cầu đổi mới nhanh của thị trường dịch vụ cho người cao tuổi. Trong bối cảnh đó, hợp tác công - tư trở thành cơ chế vận hành chủ đạo, tạo điều kiện để khu vực tư nhân tham gia vào cung ứng dịch vụ và ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực như y tế số, tài chính tiêu dùng, chăm sóc sức khỏe tại nhà và dịch vụ an sinh thông minh. Sự phối hợp này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực đầu tư mà còn thúc đẩy hình thành thị trường SilverTech có khả năng cạnh tranh và lan tỏa đổi mới trong khu vực.

Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế là kênh quan trọng giúp Việt Nam rút ngắn khoảng cách về thể chế và công nghệ so với các quốc gia tiên phong. Việc tăng cường hợp tác với Nhật Bản, Hàn Quốc hay Liên minh châu Âu có thể mang lại không chỉ công nghệ và tri thức quản trị, mà còn cả chuẩn mực đạo đức, quy trình đánh giá tác động chính sách và kinh nghiệm vận

hành các mô hình Silver Economy gắn với chuyển đổi số. Tham gia các sáng kiến như Global Coalition on Aging, mạng lưới ASEAN SilverTech Alliance, hoặc chương trình hợp tác của OECD sẽ giúp Việt Nam mở rộng không gian học hỏi và nâng cao năng lực hoạch định chính sách theo chuẩn quốc tế.

Trong dài hạn, cần hình thành nền tảng hợp tác đa chủ thể, kết nối Chính phủ, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong nước với các tổ chức quốc tế nhằm phát triển chuỗi đổi mới sáng tạo phục vụ người cao tuổi. Mô hình “đồng kiến tạo chính sách” này sẽ giúp chuyển đổi cách tiếp cận từ hỗ trợ sang kiến tạo, đưa kinh tế bạc trở thành không gian hợp tác đa chiều, nơi giá trị xã hội, công nghệ và kinh tế được phát triển hài hòa và bền vững.

Các khuyến nghị đề xuất không chỉ xuất phát từ thực trạng trong nước mà còn được đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế, nhằm bảo đảm tính khả thi và phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Tuy nhiên, những giải pháp này chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được triển khai một cách đồng bộ, có sự phối hợp liên ngành và được giám sát chặt chẽ bởi cả Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội dân sự. Đây chính là điều kiện tiên quyết để kinh tế bạc thực sự trở thành một động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn già hóa dân số ngày càng sâu sắc.

Nghiên cứu đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế bạc trong bối cảnh chuyển đổi số, tuy nhiên nghiên cứu này vẫn còn một số giới hạn. Các phân tích chủ yếu dựa trên dữ liệu thứ cấp, chưa có khảo sát thực nghiệm để kiểm chứng giả thuyết. Phạm vi nghiên cứu mới tập trung vào ba lĩnh vực chính là

y tế, tài chính và thương mại điện tử nên chưa bao quát đầy đủ các lĩnh vực khác như giáo dục hay du lịch. Trong tương lai, cần mở rộng nghiên cứu định lượng và so sánh vùng miền để đánh giá sâu hơn tác động của công nghệ số đến chất lượng sống của người cao tuổi.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2024, June 22). *Người cao tuổi nỗ lực bắt nhịp chuyển đổi số*. <https://mst.gov.vn/nguoi-cao-tuoi-no-luc-bat-nhip-chuyen-doi-so-197250622163541146.htm>
- [2]. Chowdhury, R. (2024). *The Silver Tsunami in Japan: Societal challenges and innovative solutions*. ResearchGate. <https://www.researchgate.net/publication/386985619>
- [3]. Giang, T. L. (2024, January). *Vietnam's aging population: Challenges and policy responses*. ISEAS - Yusof Ishak Institute. https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2024/01/Thanh-Long-Giang-ISEAS-20240125_slides.pdf
- [4]. Long, S. O. (2012). Bodies, technologies, and aging in Japan: Thinking about old people and their silver products. *East Asian Science, Technology and Society*, 6(3), 379-396. <https://doi.org/10.1215/18752160-1626141>
- [5]. National Institute on Aging. (2020). *Why population aging matters: A global perspective*. U.S. Department of Health & Human Services. <https://www.nia.nih.gov/research/publication/why-population-aging-matters>
- [6]. Nguyễn, V. A. (2020). Vấn đề già hóa dân số ở Việt Nam: Thách thức và giải pháp. *Tạp chí Cộng sản*, (950). <https://www.tapchicongsan.org.vn/>
- [7]. Obi, T. (2013). Promoting ICT innovations for the ageing population in Japan. *Telematics and Informatics*, 30(4), 295-301. <https://doi.org/10.1016/j.tele.2012.10.002>
- [8]. Organisation for Economic Co-operation and Development. (2019). *Ageing and employment policies: Working better with age*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/c4d4f66a-en>
- [9]. Phạm, T. T. H. (2023). Khả năng thích ứng công nghệ số của người cao tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 9(2), 45-56. <https://vjol.info.vn/index.php/khxx/article/view/65295>
- [10]. Tổng cục Thống kê. (2021). *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Thống kê. <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/08/Dan-so-gia-hoaVI.pdf>
- [11]. United Nations, Department of Economic and Social Affairs. (2023). *World population ageing 2022*. United Nations. <https://desapublications.un.org/publications/world-population-ageing-2022>
- [12]. United Nations Population Fund. (2019). *Ageing in the twenty-first century: A celebration and a challenge*. UNFPA. <https://www.unfpa.org/publications/ageing-twenty-first-century>
- [13]. World Bank. (2021). *Adapting to an aging society in Vietnam*. World Bank. <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication/vietnam-adapting-to-an-aging-society>
- [14]. World Health Organization. (2015). *World report on ageing and health*. WHO Press. <https://apps.who.int/iris/handle/10665/186463>

APPLICATION OF DIGITAL TECHNOLOGY IN SILVER ECONOMIC DEVELOPMENT IN VIETNAM

Dinh Thi Ngoc Mai¹

Abstract: *This study analyzes the role of digital technology in developing the Silver Economy in Vietnam - an emerging sector driven by rapid population aging. Using a qualitative synthesis and cross-country comparison (Japan, Korea, and the EU), the paper establishes a three-pillar analytical framework comprising older adults' needs, digital applications, and institutional policies. Findings show initial progress in tele-health, age-friendly digital banking, and e-commerce, yet a significant digital divide and limited inter-sectoral coordination remain. The study proposes three policy groups: (1) national strategy and institutional framework for the Silver Economy; (2) digital infrastructure and literacy for older adults; and (3) public-private partnership and international cooperation. If implemented coherently, these solutions could transform aging challenges into a sustainable driver for Vietnam's socio-economic development.*

Keywords: *Digital technology, digital transformation, elderly people, Silver Economy, Vietnam*

¹ Trade Union University